



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Số: 03348/2026/PKQ (1522.01W2603.0262)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm

Địa chỉ

Loại mẫu

Tình trạng mẫu

Số lượng mẫu

Thời gian nhận mẫu

Thời gian thử nghiệm

VIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH TÂY HÀ NỘI

VILAS 366 Trại Chiêu, xã Sơn Đồng, Hà Nội

: Nước sạch

: Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất

: 01

: 06/03/2026

: 06/03/2026 - 16/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,25	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,24	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	1,09	2

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- 01W2603.0262: Mẫu nước tại đồng hồ tổng MK01 (cấp xã Minh Khai, Hoài Đức cũ)
- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Trần Văn Cường

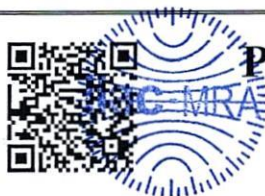
KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03349/2026/PKQ (1522.01W2603.0263)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH TÂY HÀ NỘI
 Địa chỉ : Thôn Trại Chiêu, xã Sơn Đồng, Hà Nội
 Loại mẫu : Nước sạch
 Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
 Số lượng mẫu : 01
 Thời gian nhận mẫu : 06/03/2026
 Thời gian thử nghiệm : 06/03/2026 - 16/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,26	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,36	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	1,02	2



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
 2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
 3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- 01W2603.0263: Mẫu nước tại đồng hồ tổng KĐT Tân Tây Đô, xã Ô Diên, Hà Nội
- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Trần Văn Cường

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03350/2026/PKQ (1522.01W2603.0264)

VILAS 366

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH TÂY HÀ NỘI
Địa chỉ : Thôn Trại Chiêu, xã Sơn Đồng, Hà Nội
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 06/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 06/03/2026 - 16/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,24	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,44	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	0,96	2

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- 01W2603.0264: Mẫu nước tại đồng hồ tổng KS_Dan Phuong (cấp huyện Đan Phượng cũ).
- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Trần Văn Cường

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03351/2026/PKQ (1522.01W2603.0265)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH TÂY HÀ NỘI
Địa chỉ : Thôn Trại Chiêu, xã Sơn Đồng, Hà Nội
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hãm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 06/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 06/03/2026 - 16/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,22	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,43	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	1,02	2

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- 01W2603.0265: Mẫu nước tại đồng hồ KH Nguyễn Thị Yến ở xóm Thày, xã Sơn Đồng, Hà Nội (xóm Thày, xã Song Phương, huyện Hoài Đức cũ)
- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Trần Văn Cường

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.